

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Dược phẩm Trung ương 2

Ngày 30/09/2024	2,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần Q3/24
43.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.9 -26.6%
YoY: ▲ 6.20 16.6%

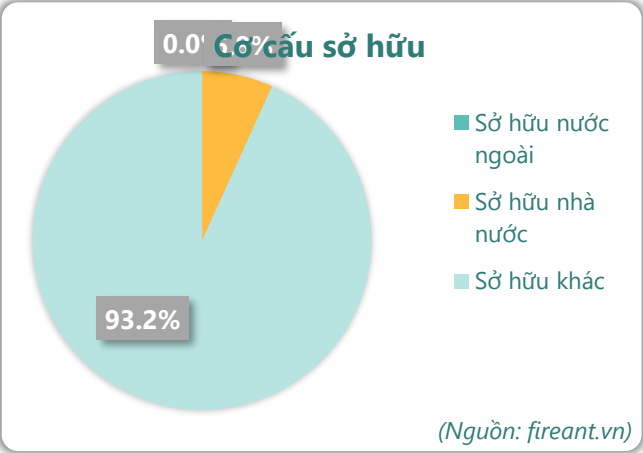
LN thuần Q3/24
-5.61
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.42 -2851%
YoY: ▼1.08 -23.8%

LN sau thuế Q3/24
-5.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.46 -1517%
YoY: ▼1.27 -27.9%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/24
-6.0%
YoY: +/-▼ 10.6%

ROE (TTM) Q3/24
-20.2%
YoY: +/-▼ 2.5%

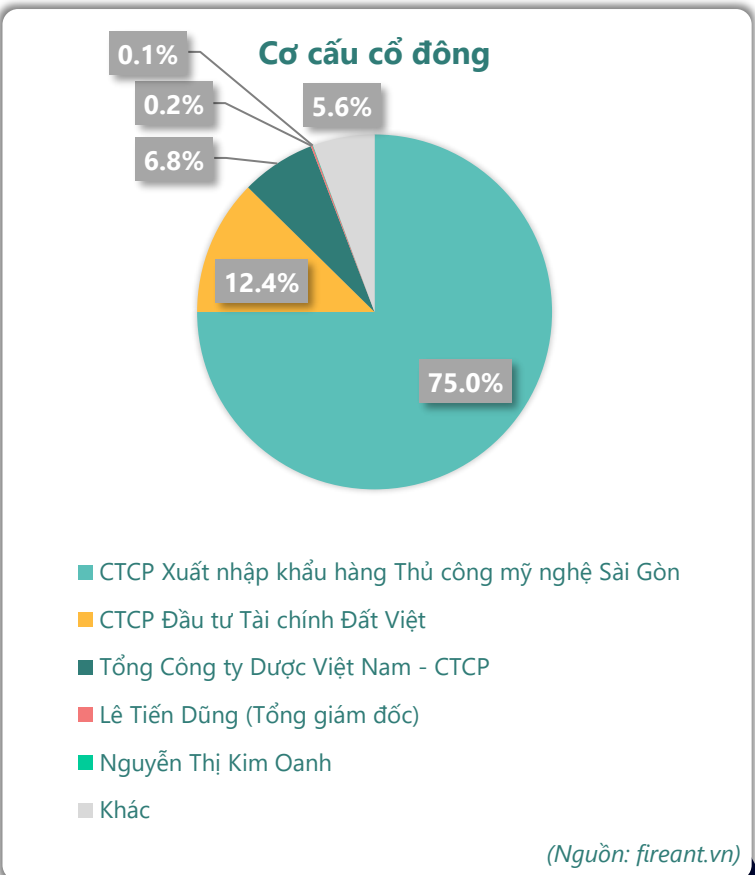
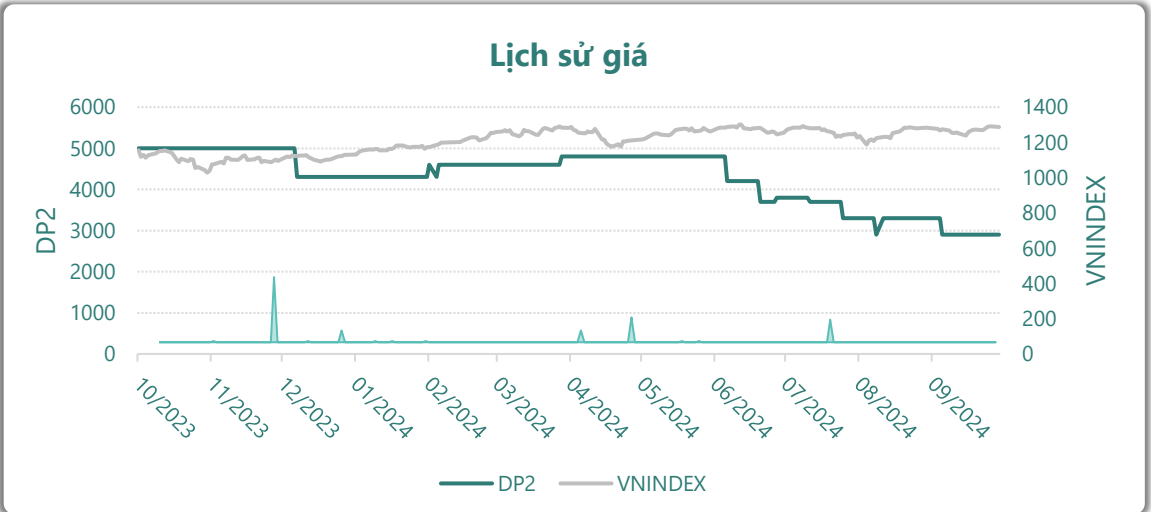
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	2,900 - 5,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	58
Số lượng CPLH (CP)	20,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.64)
EPS	-886
P/E	-3.3



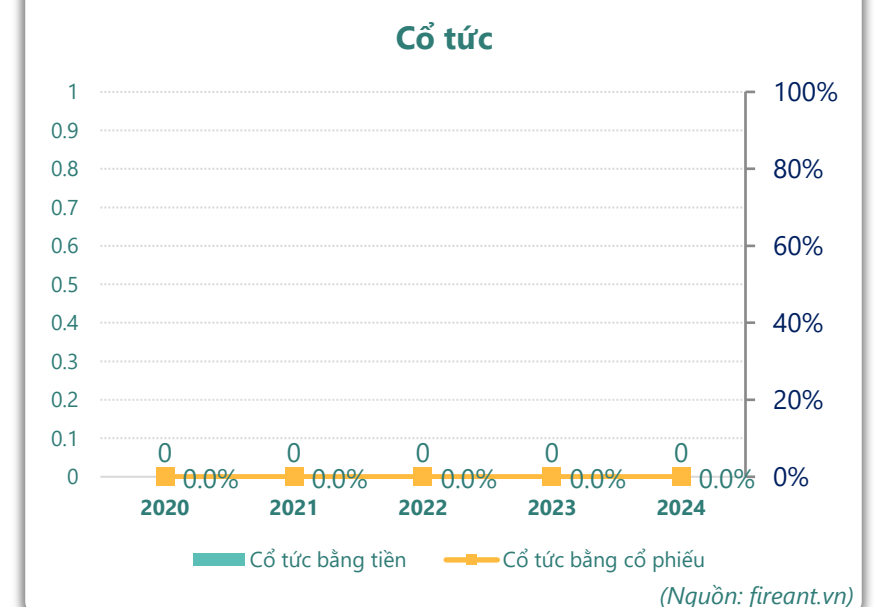
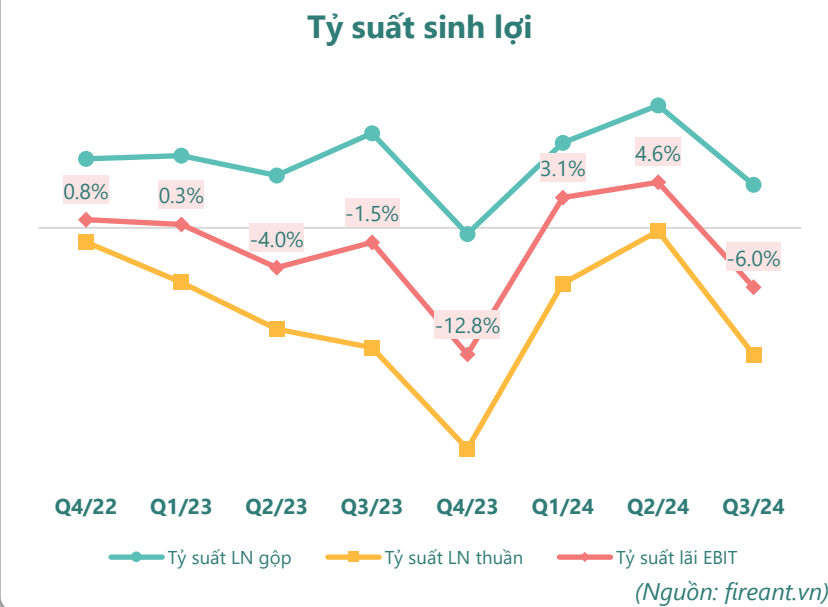
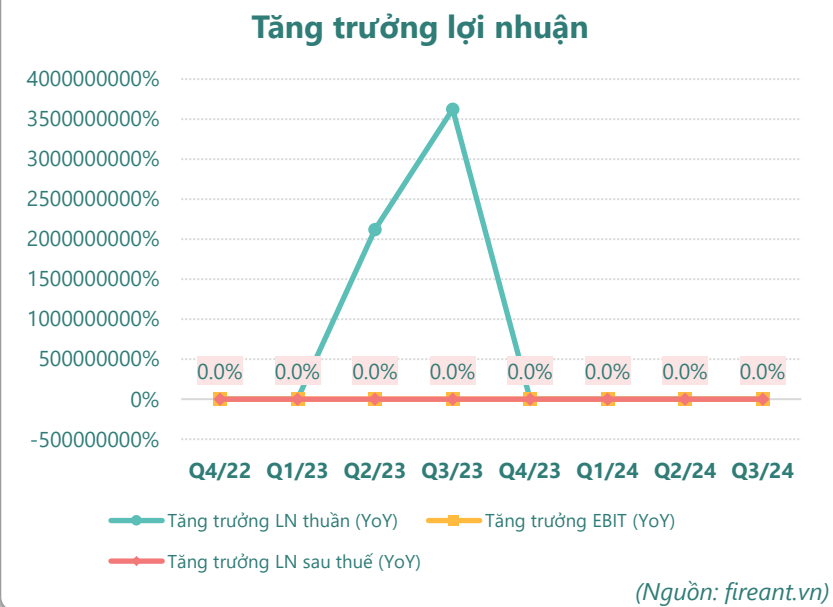
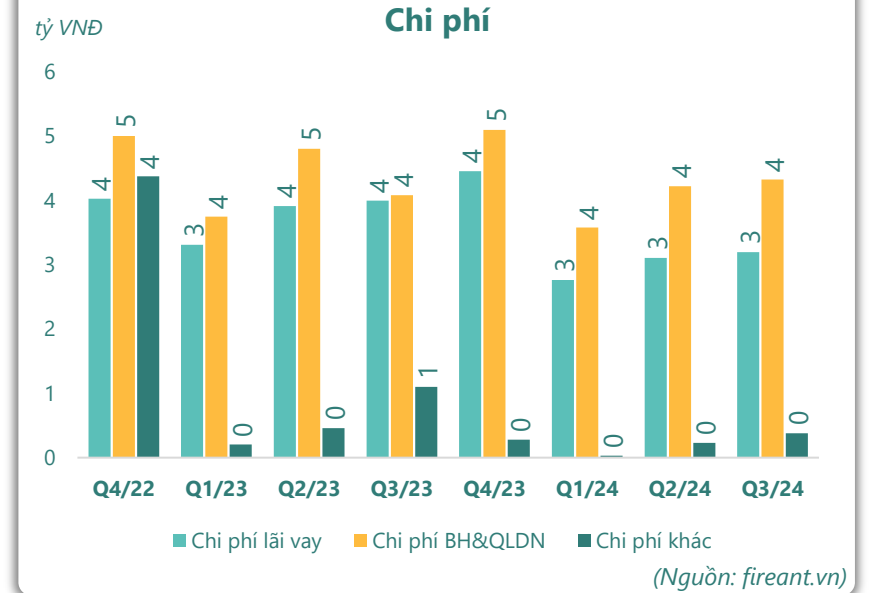
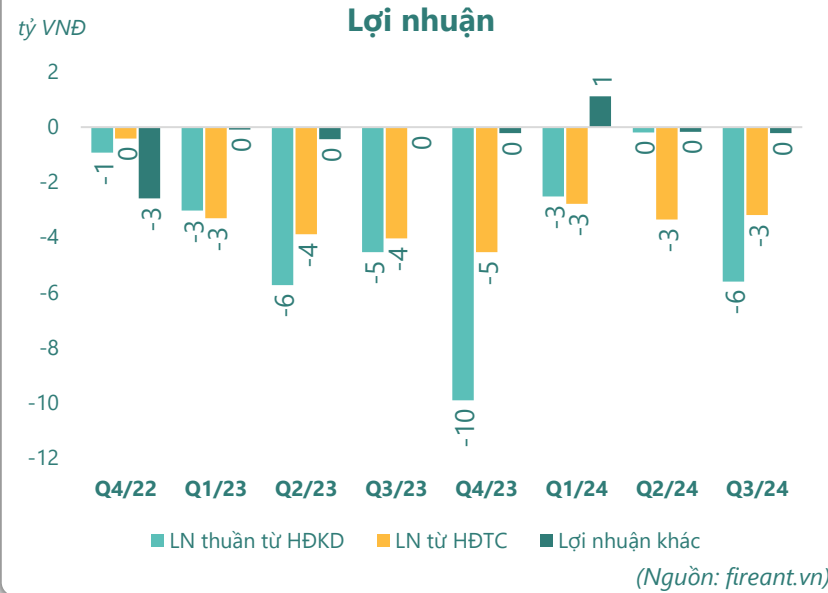
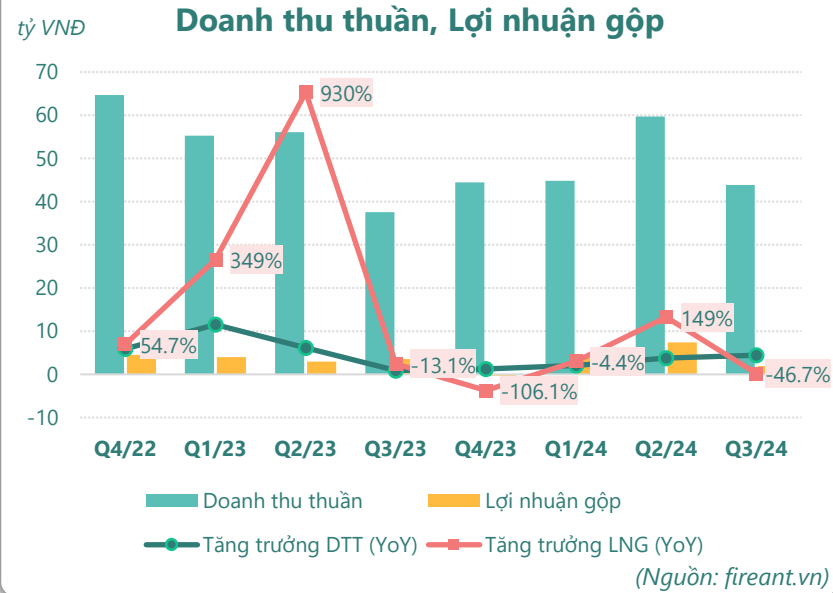
DT thuần 9T 2024
148
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.00 -0.3%

LN thuần 9T 2024
-8.32
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.98 37.5%

LN sau thuế 9T 2024
-7.58
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.32 45.3%



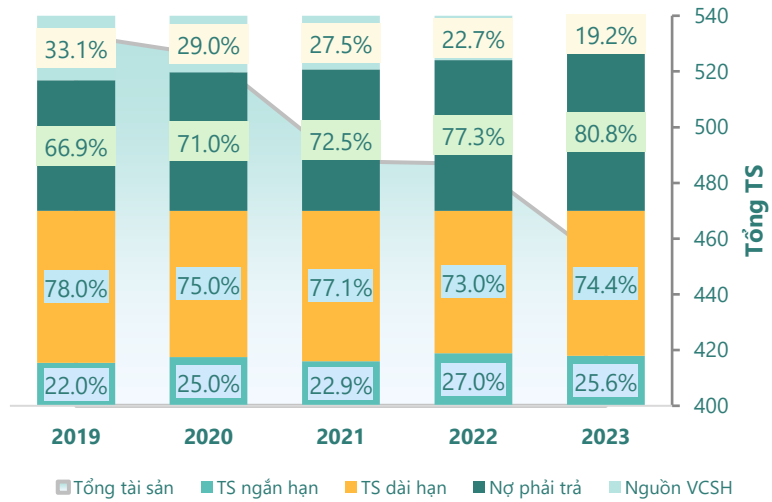
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

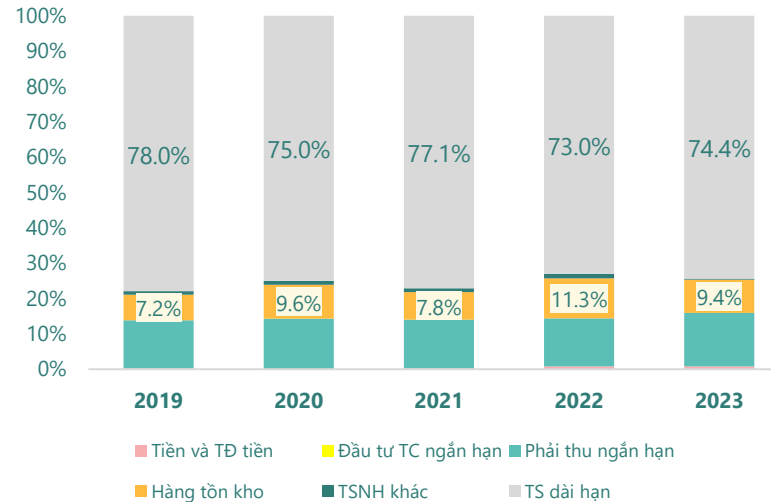
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

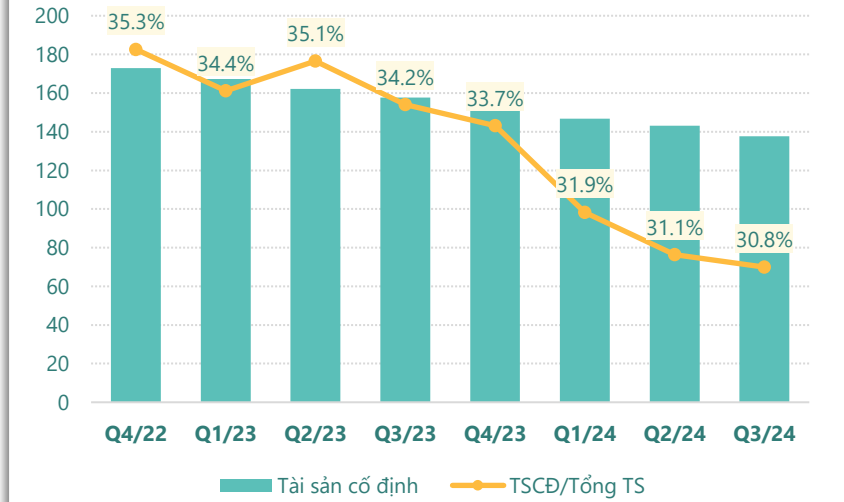
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

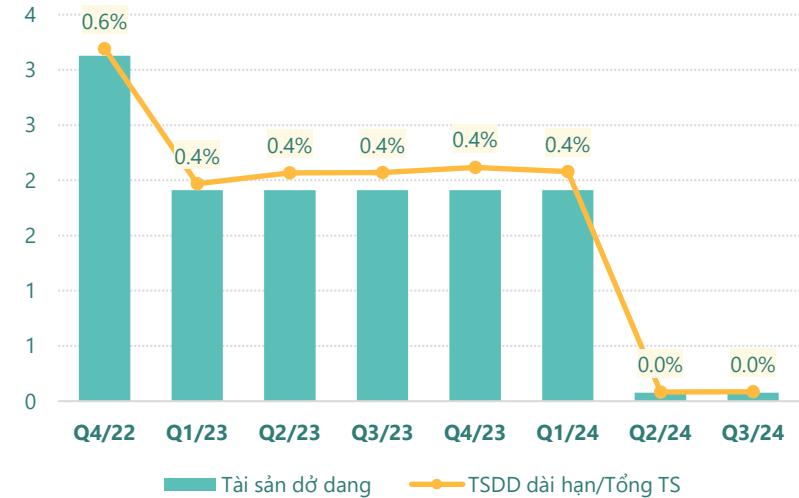
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

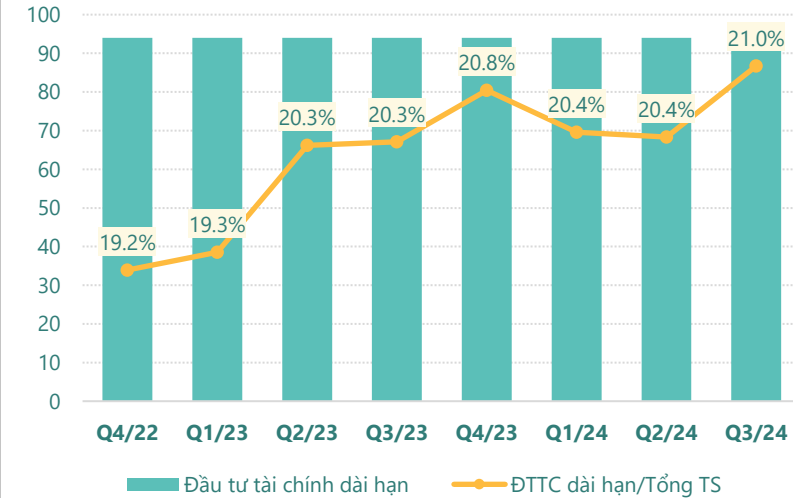
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

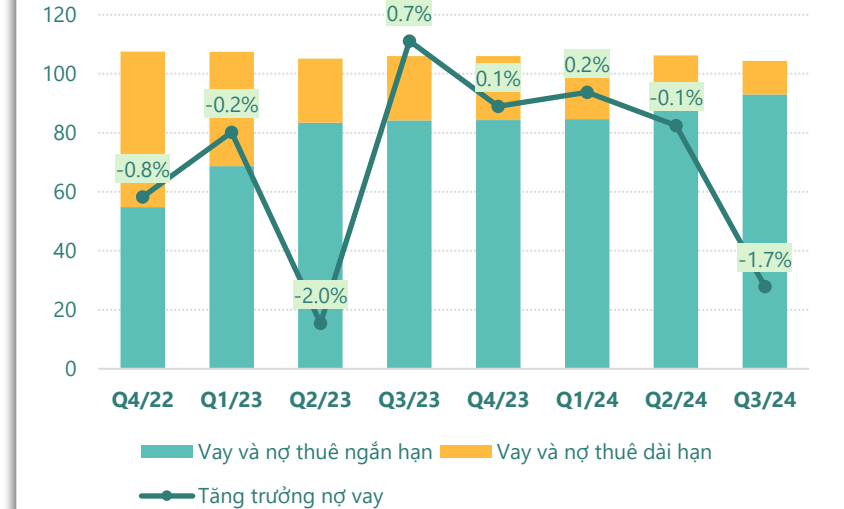
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

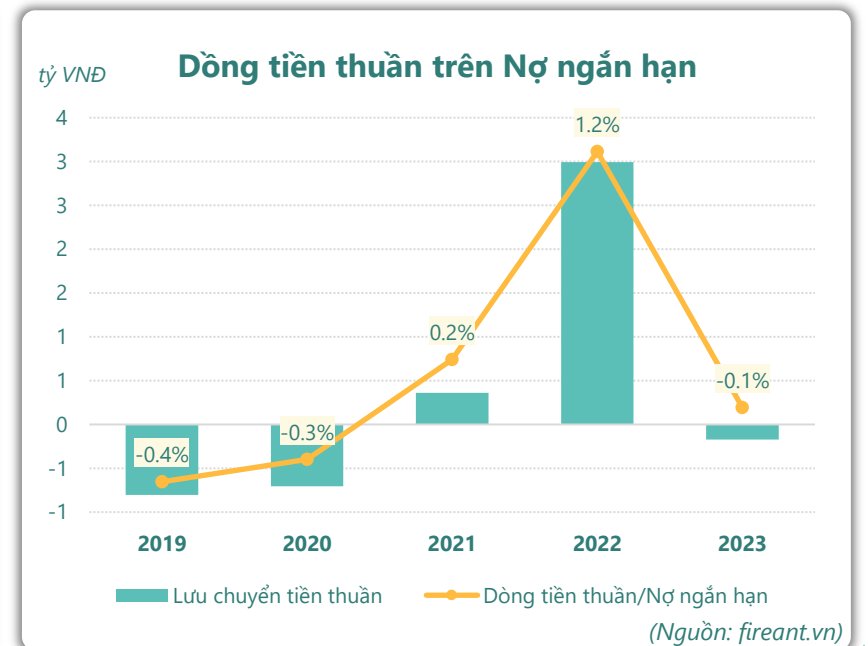
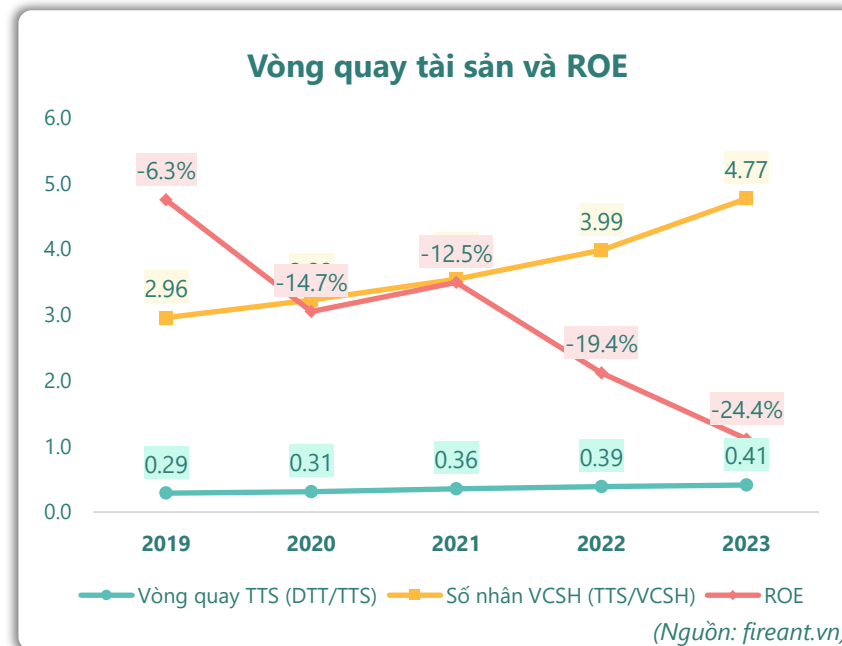
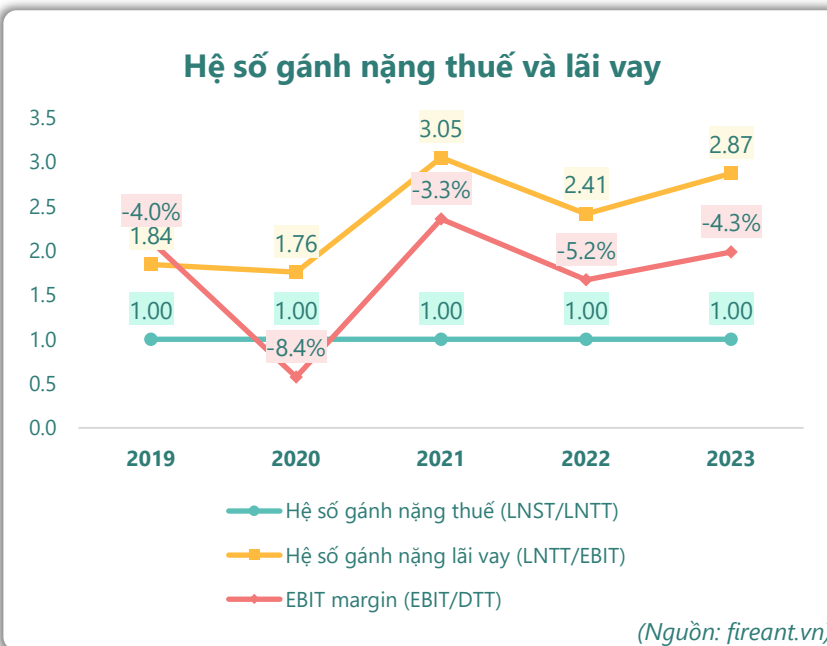
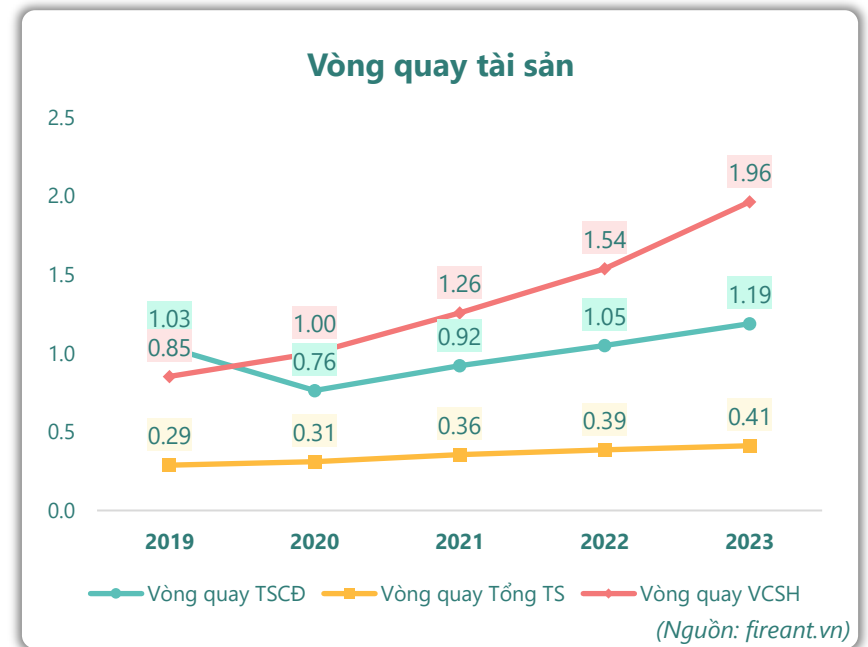
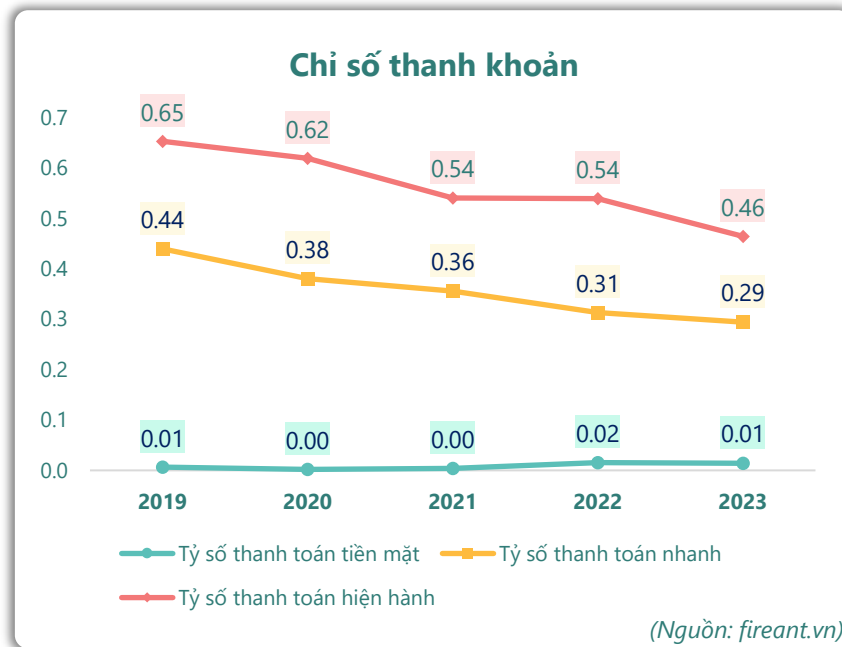
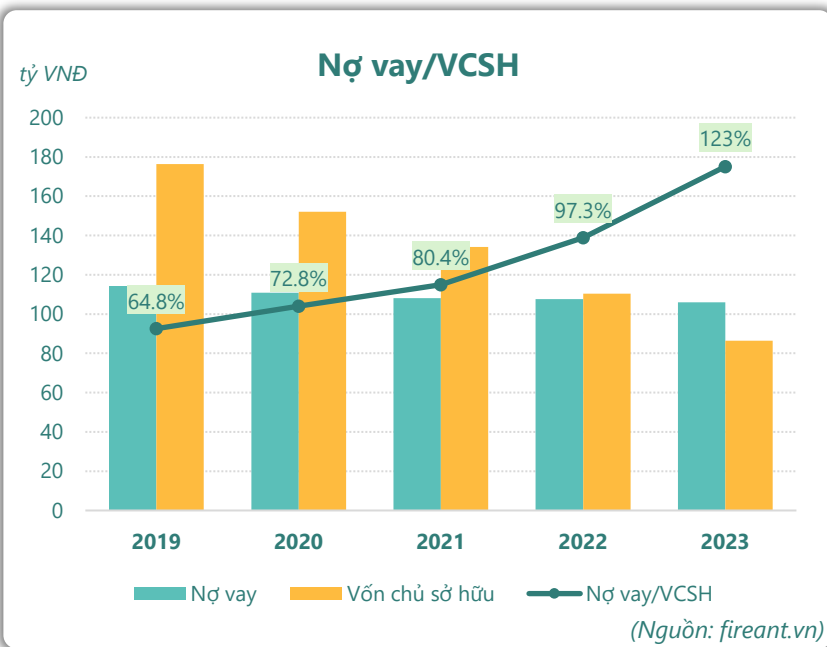
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	43.8	37.6	16.6%	148	149	-0.3%
Giá vốn hàng bán	41.9	34.0	23.3%	135	138	-2.2%
Lợi nhuận gộp	1.91	3.58	-46.7%	13.1	10.6	24.3%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	-21.2%	0.01	0.05	-78.1%
Chi phí TC	3.20	4.04	-20.8%	9.33	11.3	-17.3%
Chi phí lãi vay	3.20	4.00	-20.1%	9.07	11.2	-19.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.76	0.80	-5.0%	2.44	2.95	-17.6%
Chi phí QLDN	3.57	3.29	8.4%	9.70	9.69	0.1%
LN thuần từ HĐKD	-5.61	-4.53	-23.8%	-8.32	-13.3	37.5%
Lợi nhuận khác	-0.21	-0.02	-972%	0.74	-0.55	235%
LN trước thuế	-5.82	-4.55	-27.9%	-7.58	-13.9	45.3%
Lợi nhuận sau thuế	-5.82	-4.55	-27.9%	-7.58	-13.9	45.3%
LNST của CĐ cty mẹ	-5.82	-4.55	-27.9%	-7.58	-13.9	45.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.78	1.91	-0.49	-1.44	2.22	10.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0	0	0	0.00	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.20	0.78	0.10	0.25	-0.10	-1.79
Tiền đầu kỳ	2.71	1.29	3.98	3.58	2.39	4.52
Lưu chuyển tiền thuần	-1.42	2.69	-0.39	-1.19	2.13	9.11
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.29	3.98	3.58	2.39	4.52	13.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	447	451	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	128	116	11.0%
Tiền và tương đương tiền	13.6	3.58	280%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	76.2	68.4	11.4%
Hàng tồn kho	38.2	42.4	-10.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.47	1.33	-64.5%
Tài sản dài hạn	318	336	-5.2%
Phải thu dài hạn	72.2	72.2	0.0%
Tài sản cố định	138	152	-9.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.08	1.91	-96.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	94.0	94.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	14.4	15.3	-6.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	368	365	0.8%
Nợ ngắn hạn	262	249	5.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	93.0	84.3	10.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.6	18.5	-5.2%
Nợ dài hạn	105	116	-8.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	11.4	21.7	-47.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	78.9	86.5	-8.8%
Vốn chủ sở hữu	78.8	86.4	-8.8%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.18	0.18	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

